

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

TỪ ĐỒNG ÂM VÀ CÔNG TRÌNH TRA CỨU TỪ ĐỒNG ÂM TIẾNG VIỆT DÀNH CHO HỌC SINH

NGUYỄN THỊ HUYỀN*

TÓM TẮT: Đồng âm là hiện tượng phổ biến trong các ngôn ngữ. Từ đồng âm trong tiếng Việt được nhận diện và đưa vào giảng dạy trong nhà trường với các mức độ khác nhau ở các cấp học khác nhau. Bài viết này nêu lên thực trạng một số công trình từ điển về từ đồng âm trong tiếng Việt dành cho đối tượng học sinh hiện nay.

TỪ KHÓA: đồng âm; từ đồng âm; tiếng Việt; từ điển; học sinh.

NHẬN BÀI: 21/02/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 15/09/2023

1. Đặt vấn đề

Đồng âm là hiện tượng phổ biến trong mọi ngôn ngữ, bên cạnh hiện tượng đa nghĩa. Đồng âm và đa nghĩa trong hệ thống từ vựng của ngôn ngữ phản ánh tính hữu hạn của kí hiệu ngôn ngữ khi thể hiện sự vô hạn của các sự vật, hiện tượng của thế giới khách quan và tư duy. Từ đồng âm trong tiếng Việt được đưa vào giảng dạy trong nhà trường từ lớp 4 và tiếp tục ở các lớp cao hơn với cấp độ khó hơn cùng với các hiện tượng khác như từ đa nghĩa, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa. Để giúp các thầy cô giáo và các em học sinh có điều kiện tiếp xúc một cách cụ thể và toàn diện hệ thống từ ngữ đa dạng này nhằm tăng khả năng sử dụng ngôn ngữ trong học tập cũng như đời sống, một số công trình tra cứu về từ đồng âm tiếng Việt dành cho đối tượng học sinh đã được biên soạn và xuất bản. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi trình bày về từ đồng âm trong tiếng Việt và việc biên soạn từ đồng âm trong tiếng Việt dành cho học sinh qua bốn công trình tra cứu từ đồng âm tiếng Việt, gồm:

1. “Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh” của tác giả Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Tú Phương; 2. “Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dùng trong nhà trường” của các tác giả Nguyễn Trọng Khánh, Nguyễn Thị Trung Thành và Đào Thị Luyến; 3. “Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh” của tác giả Bích Hằng và nhóm biên soạn; 4. “Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh” của các tác giả Bùi Việt Phương, Đỗ Anh Vũ, Ánh Ngọc.

2. Từ đồng âm trong tiếng Việt

2.1. Một số khái niệm

- Đồng âm: Từ điển tiếng Việt (Vietlex) định nghĩa: Đồng âm là có cùng một vỏ ngữ âm, cùng một âm đọc như nhau.

- Từ đồng âm: “Sách giáo khoa Ngữ văn 7”, tập 1, Nxb Giáo dục định nghĩa: Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh nhưng khác nhau về nghĩa, không có liên quan đến nhau. Trong “Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt” (2018) định nghĩa: Từ đồng âm là những từ trùng nhau về hình thức ngữ âm nhưng khác nhau về nghĩa.

Như vậy, từ đồng âm là những từ giống nhau về hình thức ngữ âm nhưng khác nhau về nghĩa và các nghĩa này không liên quan đến nhau. Ví dụ:

ba₁ dt. [ph]. cha [chỉ dùng để xưng gọi].

ba₂ dt. số [ghi bằng 3] liền sau số hai trong dãy số tự nhiên. (Từ điển tiếng Việt - Vietlex)

hoặc:

đinh₁ dt. (cũ). người đàn ông thuộc lứa tuổi phải đóng thuế thân và đi lính thời phong kiến. làng có ba trăm đinh. đóng thuế đinh.

đinh₂ dt. cây to cùng loại với núc nác, quả dài có lông, gỗ rất rắn, không mọc, được coi là một trong bốn loại gỗ tốt nhất [đinh, lim, sến, táu] dùng trong xây dựng.

đinh₃ dt. đầu đinh [nói tắt]

đinh₄ dt. vật bằng kim loại [hay tre, gỗ] cứng, một đầu nhọn, dùng để đóng, treo, giữ vật này vào vật khác, hoặc ghép các vật với nhau. *đinh đóng guốc. giày đinh. nói chắc như đinh đóng cột.*

* TS; Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: huyennt2510@gmail.com

đỉnh₅ dt. nẹp vai ở giữa thân trước của áo ta.

đỉnh₆ dt. kí hiệu thứ tư trong thiên can, sau. (Từ điển tiếng Việt - Vietlex)

2.2. Phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa

Từ đồng âm và từ nhiều nghĩa đều là những từ có hình thức ngữ âm giống nhau nhưng khác nhau về nghĩa. Tuy nhiên, từ đồng âm là những từ giống nhau về hình thức ngữ âm nhưng nghĩa khác nhau hoàn toàn và không có mối quan hệ nào. Nhiều sự vật, hiện tượng được gọi chung một tên nhưng không có bất cứ lí do nào cho sự gọi chung đó. Trong lí thuyết từ điển học, các từ đồng âm như vậy gọi là đồng âm ngẫu nhiên (trong sự phân biệt với đồng âm cùng gốc). Từ điển học xử lí các mục từ đồng âm ngẫu nhiên trong bảng mục từ bằng hình thức ghi số thứ tự ở góc dưới bên phải mỗi từ để phân biệt. Từ đa nghĩa là những từ giống nhau về hình thức ngữ âm nhưng nghĩa của các từ đó có quan hệ với nhau. Từ đa nghĩa là từ có nghĩa gốc và một hay một số nghĩa chuyển. Các nghĩa có cùng nguồn gốc. Ví dụ:

đầu dt. 1. Phần trên cùng của cơ thể người hay phần trước nhất của cơ thể động vật, nơi có bộ óc và nhiều giác quan khác. 2. Đầu của con người, được coi là biểu tượng của suy nghĩ, nhận thức: *nghĩ đến đầu đầu; điên đầu*. 3. Tóc và phần có tóc mọc ở trên đầu con người: *chải đầu; đầu cạo trọc lóc; xoa đầu cháu; đầu hai thứ tóc*. 4. Phần trước nhất hoặc phần trên cùng của một số vật: *trên đầu giường; để ở đầu tủ*. 5. Phần có điểm xuất phát của một khoảng không gian hoặc thời gian, đối lập với cuối: *nhà ở đầu làng; đi từ đầu tỉnh đến cuối tỉnh; những tháng đầu năm; đầu mùa mưa*. 6. Phần ở tận cùng, giống nhau, ở hai phía đối lập trên chiều dài của một vật: *hai đầu cầu; tìm đầu sợi thừng; trở đầu đũa*. 7. Vị trí hoặc thời điểm thứ nhất, trên hoặc trước tất cả những vị trí, thời điểm khác: *lần đầu; ngồi bàn đầu; lá cờ đầu; điểm danh từ đầu đến cuối*. 8. Từ dùng để chỉ từng đơn vị để tính đồ đồng về người, gia súc, đơn vị diện tích: *thu nhập tính theo đầu người; số đầu gia súc trong trại tăng nhanh*. 9. Từ dùng để chỉ từng đơn vị máy móc: *đầu máy khâu; đầu máy xe lửa*.

Như vậy, cùng một hình thức ngữ âm "đầu" biểu thị 9 nghĩa khác nhau và các nghĩa này có mối quan hệ với nhau. Từ nghĩa gốc ban đầu "phần trên cùng của cơ thể người hay phần trước nhất của cơ thể động vật, nơi có bộ óc và nhiều giác quan khác", trong thực tế sử dụng, phát sinh thêm các nghĩa khác để biểu thị các sự vật, hiện tượng có chung một nét nghĩa nào đó so với nghĩa gốc hoặc với các nghĩa trước đó. Các nghĩa trong từ đa nghĩa trong từ điển giải thích được đánh số thứ tự 1, 2, 3 theo quy tắc nghĩa gốc, nghĩa cơ bản đứng trước, nghĩa bóng, nghĩa phái sinh xuất hiện sau.

2.3. Phân loại từ đồng âm trong tiếng Việt

Theo tác giả Nguyễn Trọng Khánh, từ đồng âm trong tiếng Việt đến từ nhiều nguồn khác nhau, gồm:

- Đồng âm ngẫu nhiên, ví dụ: *đường* (đường đi) với *đường* (đường ăn);
- Đồng âm do vay mượn từ tiếng nước ngoài, ví dụ: *đầm* (bà đầm) với *đầm* (đầm nước);
- Đồng âm do sự biến đổi ngữ âm với nhiều nguyên nhân, thuộc nhiều dạng thức khác nhau, ví dụ: *ảnh* (bức ảnh) với *ảnh* (ảnh ấy - phương ngữ Nam), *giăng* (giăng tơ) với *giăng* (trăng);
- Đồng âm do sự hình thành các đơn vị từ vựng mới, ví dụ: *đỉnh* (ngành nghề đỉnh) với *đỉnh* (đỉnh đồng), *hót* (bài hát đang hót) với *hót* (chim hót);
- Đồng âm do sự phát triển nghĩa quá xa so với nghĩa gốc trong từ nhiều nghĩa, ví dụ: *gạt* (cái gạt nước) với *gạt* (gạt người khác);
- Đồng âm do các hiện tượng cấu tạo từ có liên quan đến ngữ âm như lặp, láy, ví dụ: *đêm* với *đêm* *đêm*, *lõe* với *lập lõe*.

Do từ đồng âm đến từ nhiều nguồn khác nhau như vậy và do tính chất của một ngôn ngữ đơn lập âm tiết tính điển hình nên từ đồng âm tiếng Việt gồm các loại sau:

- Đồng âm từ vựng: đây là loại đồng âm phổ biến và chủ yếu nhất trong tiếng Việt. Các đơn vị đồng âm từ vựng này chủ yếu là từ đơn tiết. Các đơn vị đồng âm này thuộc cùng một từ loại. Ví dụ: *phát đg.* (phát vào lưng) với *phát đg.* (phát cò); *hè d.* (mùa hè) với *hè d.* (hè phở).
- Đồng âm từ vựng - ngữ pháp: các đơn vị trong nhóm đồng âm có từ loại khác nhau. Ví dụ: *nền d.* (nền nhà) với *nền* (màu rất nền); *trong d.* (trong nhà) với *trong t.* (nước rất trong).

- Đồng âm từ với đơn vị cấu tạo từ: các đơn vị đồng âm không cùng cấp độ với nhau. Chẳng hạn: *sút* (sút bóng) với *sút* trong giảm sút (thu nhập giảm sút).

3. Các công trình tra cứu từ đồng âm trong tiếng Việt dành cho học sinh

Dựa trên khái niệm, đặc điểm và phân loại từ đồng âm trong tiếng Việt, các công trình tra cứu từ đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh đều làm rõ nguyên tắc thu thập mục từ đồng âm, xác định cấu trúc vi mô và vĩ mô để phù hợp với mục tiêu biên soạn.

3.1. Cấu trúc vĩ mô

3.1.2. Tiêu chí lựa chọn mục từ

Các công trình tra cứu về từ đồng âm tiếng Việt mà chúng tôi khảo sát, nhìn chung đều có đưa ra tiêu chí thu thập mục từ và xây dựng bảng mục từ tương đối giống nhau. Chẳng hạn:

“Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dùng trong nhà trường” (2011) xác định chỉ thu thập các từ đồng âm trong tiếng Việt có cùng một khuôn khổ ngữ âm, không thu thập các đơn vị từ vựng đồng âm, các trường hợp đồng âm do lặp và lấy.

Cũng tương tự như vậy, “Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dành cho học” (2017) cũng nêu rõ chỉ lựa chọn, thu thập giải thích các đơn vị đồng âm trong tiếng Việt có cùng một hình thức ngữ âm có tư cách là từ, không tập hợp các đơn vị có tư cách là yếu tố cấu tạo từ.

“Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh” (2014) thu thập các đơn vị đồng âm tiếng Việt gồm từ đơn và từ phức; không thu thập các đơn vị đồng âm được phiên chuyển từ tiếng nước ngoài và một số từ cổ, từ địa phương ít sử dụng.

Riêng “Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh” (2014) thu thập tất cả các đơn vị đồng âm tiếng Việt gồm các từ (từ đơn và từ phức) và các yếu tố cấu tạo từ. Đối với các yếu tố từ vựng mang nặng dấu ấn phiên chuyển từ tiếng nước ngoài, công trình không thu thập.

Như vậy, về đơn vị đồng âm được thu thập để xây dựng bảng từ, các công trình đều thống nhất ở lựa chọn các đơn vị có tư cách là từ, không đưa các đơn vị phiên chuyển từ tiếng nước ngoài. Riêng “Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh” (2014) có thu thập thêm các đơn vị đồng âm là yếu tố cấu tạo từ.

3.2.2. Bảng từ

Các đơn vị đồng âm trong các công trình tra cứu được trình bày theo từng nhóm từ đồng âm. Mỗi nhóm từ đồng âm được phân tách với nhau bằng từ đồng âm đặt ở vị trí đầu nhóm. Đây là cách sắp xếp kép trong cấu trúc vĩ mô của từ điển. Từ đồng âm đầu ở vị trí đầu nhóm thường khác biệt về mặt hình thức để phân biệt với các đơn vị đồng âm trong nhóm. Từ đầu nhóm trong “Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dùng trong nhà trường” (2011) và “Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dùng cho học sinh” có cỡ chữ lớn hơn so với các đơn vị đồng âm trong nhóm. Ví dụ:

án

án₁

án₂

án₃

Từ đầu nhóm trong “Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh” (Bích Hằng) và “Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh” (Bùi Việt Phương, Đỗ Anh Vũ, Ánh Ngọc) được in hoa và các đơn vị đồng âm trong nhóm được trình bày lùi vào sơ với từ đầu nhóm. Ví dụ:

YÊU

yêu₁

yêu₂

yêu₃

Các từ đồng âm đầu nhóm được sắp xếp theo trật tự chữ cái tiếng Việt và trình tự thanh điệu *ngang, huyền, hỏi, ngã, sắc, nặng* để tiện cho việc tra cứu.

Mỗi mục từ đồng âm (từ đầu nhóm) gồm các nhóm từ đồng âm với nhau được đánh số thứ tự 1,2,3 ở phía dưới góc phải và xếp theo trật tự từ loại: danh từ, động từ, tính từ, đại từ, số từ, phụ từ, kết từ,...

3.2. Cấu trúc vi mô

Mỗi đơn vị đồng âm trong nhóm được coi như từ đầu mục của một mục từ trong từ điển giải thích. Do vậy, cấu trúc vi mô của loại công trình tra cứu này cũng tương tự như cấu trúc vi mô của từ điển giải thích. Các công trình tra cứu về từ đồng âm trong tiếng Việt kể trên đều có 3 yếu tố cơ bản và được xử lý hoàn toàn giống nhau là *từ đầu mục*, *lời giải nghĩa* và *ví dụ*.

a. *Từ đầu mục*: là các đơn vị đồng âm trong nhóm đồng âm được sắp xếp theo trật tự từ loại.

b. *Lời giải nghĩa*: là nội dung nghĩa của từ ngữ, được giải thích bằng phương pháp phân tích. Với các từ đa nghĩa, các công trình đưa các nghĩa khác nhau theo trật tự từ nghĩa cơ bản đến nghĩa phái sinh và được đánh số bằng chữ số Ả Rập 1, 2, 3... Ví dụ:

án₂ đg. 1. Dùng tay đè xuống, gi xuống. 2. Nhồi, nhét, dồn vào cho chặt. 3. Ép phải nhận, phải làm ("Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh" Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Tú Phương).

- Ví dụ: Các công trình đều đưa ví dụ tự đặt và ví dụ trích dẫn:

"Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh" đưa ví dụ trích dẫn nguyên văn thường trích từ các câu thành ngữ, tục ngữ hay từ sách giáo khoa và trang tin điện tử:

sa₂ đg. 1 (cũ, vch). Từ từ rơi thẳng xuống: *Thân em như hạt mưa sa/ Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày* (ca dao). 2. Hạ xuống vị trí quá thấp so với bình thường (thường nói về một số bộ phận bên trong cơ thể): *Người bị bệnh sa dạ dày thường xanh xao, ốm yếu* (theo Internet). 3. Ở vào, mắc vào tình trạng không hay nào đó.: *Có như vậy, tác phẩm mới không sa vào vũng bùn của chủ nghĩa hình thức* (theo Internet).

"Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dùng trong nhà trường" lại đưa ví dụ trích dẫn nguyên văn thường là các câu thành ngữ, tục ngữ hay từ sách giáo khoa từ lớp 1 đến lớp 12:

án₃ đg. 1. Nằm chắn ngang: *Chiếc xe án giữa đường*. 2. Đóng quân ở yên một chỗ.: *Án binh bất động*. (Thành ngữ).

ba₁ d. Bó, ba: *Tình yêu rừng của ba đã sớm truyền sang em*. (TV5, tl, tr.124).

"Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh" (Bích Hằng) lại lấy ví dụ trích dẫn từ các câu văn, câu thơ của các tác giả nổi tiếng.

"Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh" (Bùi Việt Phương, Đỗ Anh Vũ, Ánh Ngọc) chỉ đưa các ví dụ tự đặt ngắn gọn.

dinh₁ (dt.) 1. Khu nhà dùng làm nơi đóng quân của quân đội thời phong kiến. 2. Tòa nhà ở và làm việc của quan lại cao cấp: *dinh tổng thống*.

Bên cạnh một số yếu tố trong cấu trúc vi mô tương đồng như trên thì có các công trình tra cứu có sự khác nhau về nội dung của các yếu tố quan niệm và mục đích cung cấp thông tin của nhóm biên soạn.

c. *Yếu tố từ loại*: các công trình trên đều cung cấp từ loại cho từ đầu mục. Tuy nhiên, số lượng từ loại và quan niệm về từ loại của các công trình lại không giống nhau. "Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh" chú 7 từ loại cho các đơn vị đồng âm, gồm: danh từ, động từ, tính từ, đại từ, số từ, phụ từ và kết từ. "Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dùng trong nhà trường" chú 6 từ loại cho các đơn vị đồng âm, gồm: danh từ, động từ, tính từ, đại từ, số từ và phụ từ. "Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh" (Bùi Việt Phương, Đỗ Anh Vũ, Ánh Ngọc) chú 8 từ loại, gồm: cảm từ, danh từ, động từ, đại từ, kết từ, phụ từ, trạng từ, tính từ. "Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh" (Bích Hằng) lại đưa ra 11 từ loại cho các đơn vị đồng âm, gồm: cảm từ, danh từ, động từ, đại từ, kết từ, mạo từ, phụ từ, số từ, thán từ, trạng từ và tính từ.

- Yếu tố mang thông tin ngữ dụng cũng được xử lý khác nhau. "Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh" và "Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh" (Bích Hằng) chú cả yếu tố phản ánh phong cách, gồm: văn chương, trang trọng, khẩu ngữ, thông tục, kiểu cách và yếu tố phản ánh phạm vi sử dụng như cũ, phương ngữ, ít dùng. "Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dùng trong nhà trường" chỉ chú yếu tố phản ánh phạm vi sử dụng là từ cổ và phương ngữ. Trong khi đó, "Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh" (Bùi Việt Phương, Đỗ Anh Vũ, Ánh Ngọc) không cung cấp yếu tố mang thông tin ngữ dụng này.

- Khả năng kết hợp của từ đầu mục

Trong 4 công trình tra cứu trên thì có 2 công trình đưa ra khả năng kết hợp của từ đầu mục với các yếu tố cấu tạo từ khác. Thông tin về khả năng kết hợp được trình bày ngay sau ví dụ. “Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh (Bùi Việt Phương, Đỗ Anh Vũ, Ánh Ngọc) và “Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh (Bích Hằng) cung cấp các tổ hợp sau ví dụ, gồm cả khả năng kết hợp trước và sau của từ đầu mục trong tổ hợp. Ví dụ:

đình₁ (dt.) 1. khu nhà dùng làm nơi đóng quân của quân đội thời phong kiến. 2. tòa nhà ở và làm việc của quan lại cao cấp. Ví dụ. *đình tổng thống - đình cơ, đình điền, đình thực// đại bản đình, tổng hành dinh.*

trường₁ I. tt. dài. Ví dụ: *Thanh trường kiếm cổ này tôi mua được từ một người quen nên mới có giá rẻ thế.*

--> *trường ca, trường giang ~ súng trường.*

4. Kết luận

Các công trình tra cứu về từ đồng âm trong tiếng Việt đã thu thập được tương đối đầy đủ các từ đồng âm và nhóm từ đồng âm. Việc xây dựng cấu trúc vĩ mô và vi mô tương đối thống nhất, phản ánh hết được đặc điểm của từ đồng âm trong tiếng Việt. Tuy nhiên, các công trình trên chưa làm rõ được đặc trưng của sách công cụ dùng trong nhà trường, thể hiện ở: Các từ đồng âm đầu nhóm và các đơn vị đồng âm trong nhóm hầu hết được rút ra từ các cuốn từ điển giải thích tiếng Việt; Định nghĩa các đơn vị chủ yếu dựa vào định nghĩa trong các cuốn từ điển giải thích tiếng Việt; Ví dụ trích dẫn chưa chú ý đến nguồn sách giáo khoa dùng trong nhà trường. Để giải quyết những vấn đề này, cần có những nghiên cứu sâu về đối tượng sử dụng đối với các công trình từ điển ngôn ngữ nói chung và từ điển đồng âm nói riêng. Đối tượng học sinh cũng cần phân biệt rõ từng cấp học khác nhau.

Do tính chất là sách tra cứu dùng trong nhà trường, dành cho đối tượng học sinh nên thông tin cung cấp phải chuẩn xác, thống nhất và phù hợp với nội dung kiến thức trong nhà trường. Qua xem xét cấu trúc vĩ mô có thể thấy, việc xử lý từ loại trong các công trình trên chưa chuẩn xác và thống nhất. Trong thực tế, có nhiều quan điểm khác nhau về từ loại cũng như số lượng từ loại trong nghiên cứu từ loại tiếng Việt nên việc xử lý từ loại các công trình từ điển giải thích tiếng Việt chưa có sự thống nhất. Tuy nhiên, đối với các công trình tra cứu dành cho đối tượng học sinh, việc cung cấp thông tin về từ loại phải dựa vào nội dung kiến thức về từ loại như định nghĩa, số lượng từ loại được trình bày trong sách giáo khoa. Đây là cơ sở để các nhà biên soạn từ điển dành cho đối tượng học sinh xác định từ loại cho công trình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (2018), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Bích Hằng (chủ biên) (2014), *Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh*, Nxb Dân trí.
3. Nguyễn Trọng Khánh, Nguyễn Thị Trung Thành, Đào Thị Luyến (2011), *Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dùng trong nhà trường*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Tú Phương (2017), *Sổ tay từ đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Hoàng Văn Hành, Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Thị Thành (1998), *Từ điển đồng âm tiếng Việt*. Nxb Tp. Hồ Chí Minh (tái bản năm 2001).
6. Hoàng Phê (chủ biên) (2020), *Từ điển tiếng Việt* (Vietlex), Nxb Đà Nẵng.
7. Bùi Việt Phương, Đỗ Anh Vũ, Ánh Ngọc (2014), *Từ điển đồng âm tiếng Việt dành cho học sinh*, Nxb Từ điển Bách khoa.
8. Nguyễn Ngọc Trâm, Hoàng Phê, Chu Bích Thu...(1997), *Một số vấn đề từ điển học*, Nxb Khoa học xã hội.

Homonyms and some of dictionaries on Vietnamese homonyms for pupil

Abstract: Homophony is a common phenomenon in languages. Homonyms in Vietnamese are recognized and taught in schools to different degrees at different educational levels. This article discusses the situation of some dictionaries on Vietnamese homonyms for pupil today.

Key words: homophony; homonym; Vietnamese; dictionary; pupil.